

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

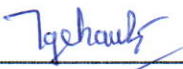
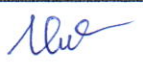
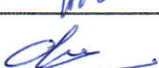
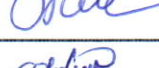
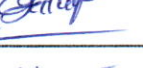
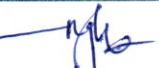
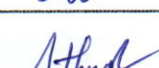
*

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ,
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K7, TẠI HUYỆN CƯ M'GAR, KHÓA HỌC 2024-2026
DỰ THI KẾT THÚC PHẦN HỌC**

**THI PHẦN A. I NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG;
II NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ**

Ngày thi: 22/6/2024; Thời gian làm bài: 180 phút;

Địa điểm: Trung tâm Chính trị huyện Cư M'gar.

Sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Hoàng Thị Vân Anh	03/3/1991	03		55	75	Đầy, năm
02	Phạm Thị Ngọc Ánh	05/4/1977	02		76	70	Đầy
03	Nguyễn Thị Phương Ánh	06/01/1985	Chưa đủ đk dự thi (vắng 25% - học lại cả phần học)				
04	H'Bon Byă	05/5/1990	02		14	75	Đầy, năm
05	Nguyễn Thị Giang Châu	17/6/1989	03		17	72,5	Đầy, hai năm
06	Cao Xuân Cúc	18/08/1981	02		77	72,5	Đầy, hai năm
07	Trần Thị Kim Cúc	20/10/1991	03		16	75	Đầy, năm
08	Nguyễn Văn Dư	28/6/1986	02		79	72,5	Đầy, hai năm
09	Huỳnh Văn Dữ	28/11/1987	03		18	72,5	Đầy, hai năm
10	Nguyễn Trung Dũng	28/02/1988	03		43	72,5	Đầy, hai năm
11	Phạm Đình Dũng	23/4/1984	03		68	72,5	Đầy, hai năm
12	Hồ Thị Dương	05/5/1975	02		3	77,5	Đầy, đầy năm
13	Huỳnh Thị Lệ Duyên	28/12/1980	02		28	72,5	Đầy, hai năm
14	H Bluer Êban	23/3/1989	03		59	77,5	Đầy, đầy năm
15	H Len Êban	10/8/1988	03		38	75	Đầy, năm
16	Lê Thu Hà	21/5/1985	03		37	77,5	Đầy, đầy năm
17	Trần Thị Hà	10/11/1981	Có đơn xin nghỉ học (QĐ cho thôi học: số 348 ngày 13/6/2024)				
18	Nguyễn Ngọc Hải	30/09/1981	02		5	72,5	Đầy, hai năm
19	Trương Thị Bích Hạnh	04/04/1980	02		1	70	Đầy
20	Hoàng Thị Hồng	23/10/1989	03		23	75	Đầy, năm

Sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
21	Phạm Thị Huệ	30/4/1985	03		25	75	Bay, năm
22	Phan Thị Mai Hương	15/9/1981	03		30	75	Bay, năm
23	Nguyễn Xuân Huyền	26/6/1975	03		7	85	Tam, năm
24	H Liễu Hwing	14/4/1984	03		70	775	Bay, bay năm
25	H Phương Niê Kđăm	17/9/1989	02		25	70	Bay
26	Bùi Đăng Khoa	20/8/1984	03		21	725	Bay, hai năm
27	Trần Đình Đăng Khoa	15/9/1986	02		4	70	Bay
28	Y Sueng Buôn Krông	10/4/1986	02		75	70	Bay
29	Đỗ Phú Linh	05/9/1981	03		10	80	Tam
30	Đinh Thị Loan	01/12/1990	Chưa đủ đk dự thi (vắng 25% - học lại cả phần học)				
31	Đặng Kiều Loan	01/02/1989	Chưa đủ đk dự thi (vắng 25% - học lại cả phần học)				
32	Nguyễn Tấn Lợi	09/8/1985	02		2	725	Bay, hai năm
33	Võ Thị Thùy Lựu	31/12/1986	03		22	70	Bay
34	Phan Thị Lý	20/3/1984	02		80	75	Bay, năm
35	Nguyễn Thị Mai	10/12/1985	03		51	80	Tam
36	Nguyễn Thị Thanh Mai	19/12/1988	03		66	775	Bay, bay năm
37	Trần Thị Thanh Mận	21/02/1983	03		24	775	Bay, bay năm
38	H Bích Mlô	05/8/1985	03		64	725	Bay, hai năm
39	Nguyễn Hải Nam	01/10/1985	03		35	70	Bay
40	Phạm Thị Nga	10/6/1982	03		65	775	Bay, bay năm
41	Lê Ngọc Nghĩa	14/8/1980	03		44	75	Bay, năm
42	Nguyễn Thị Thanh Nhân	20/02/1989	03		41	75	Bay, năm
43	Vũ Thị Nhung	05/8/1988	03		39	75	Bay, năm
44	H'Lim Niê	06/8/1990	03		74	825	Tam, hai năm
45	Y Blô Niê	21/01/1988	03		48	725	Bay, hai năm
46	Y Tênh Niê	20/06/1986	02		78	675	Sau, bay năm
47	H' Nary Niê	10/5/1980	Chưa đủ đk dự thi (vắng 25% - học lại cả phần học)				

NG S
TRU
HINH
KOV

Sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
48	Phan Thị Bích Phương	29/01/1981	03		62	75	Bay, năm
49	Nguyễn Thị Hoàng Quyên	05/7/1987	03		60	75	Bay, năm
50	Lê Thế Sơn	06/5/1985	03		67	75	Bay, năm
51	Lê Thị Thu Sương	20/4/1988	03		40	775	Bay, bay năm
52	Nguyễn Thị Thu Sương	20/9/1981	03		36	725	Bay, bay năm
53	Trần Văn Tân	08/9/1983	03		45	75	Bay, năm
54	Nguyễn Ngọc Thạch	26/7/1977	03		19	725	Bay, bay năm
55	Nguyễn Thị Thanh	15/01/1984	03		32	70	Bay
56	Lê Hữu Thành	06/3/1985	03		9	75	Bay, năm
57	Đinh Thị Thảo	14/4/1990	03		63	80	Tam
58	Nguyễn Thị Thảo	27/8/1987	Chưa đủ dk dự thi (vắng 25% - học lại cả phần học)				
59	Lê Tô Anh Thi	13/9/1981	02		26	65	Sau, năm
60	Ngô Thị Thơm	28/12/1980	03		50	775	Bay, bay năm
61	Phạm Xuân Thống	01/01/1984	02		15	70	Bay
62	Phan Thị Thu	03/4/1988	03		29	70	Bay
63	Đậu Minh Thuận	11/6/1989	03		49	75	Bay, năm
64	Đỗ Thị Như Thuận	27/4/1989	03		47	775	Bay, bay năm
65	Trần Văn Thương	24/5/1977	03		34	80	Tam
66	Bùi Văn Thường	24/9/1989	03		57	75	Bay, năm
67	Lê Thị Thúy	18/12/1990	03		13	75	Bay, năm
68	Phạm Thu Thủy	19/10/1988	03		20	775	Bay, bay năm
69	Nguyễn Thị Tơ	14/10/1985	03		11	75	Bay, năm
70	Cao Thị Minh Trâm	23/05/1987	03		72	75	Bay, năm
71	Đỗ Thị Thanh Trang	02/11/1988	03		69	75	Bay, năm
72	Hoàng Thị Đài Trang	05/7/1988	03		46	775	Bay, bay năm
73	Võ Thị Trang	05/8/1986	03		61	75	Bay, năm
74	Võ Thị Thu Trang	18/4/1987	03		6	75	Bay, năm



Sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
75	Nguyễn Trọng Tuấn	24/8/1981	03	<i>[signature]</i>	8	75	Đầy, năm
76	Hồ Ngọc Việt	02/02/1973	03	<i>[signature]</i>	58	725	Đầy, hai năm
77	Phạm Văn Vinh	20/10/1984	03	<i>[signature]</i>	12	70	Đầy
78	Phan Thị Xuân	01/11/1986	03	<i>[signature]</i>	54	75	Đầy, năm
79	Hoàng Thị Yêm	08/12/1984	03	<i>[signature]</i>	56	725	Đầy, hai năm
80	Ninh Thị Hồng Yến	21/10/1988	03	<i>[signature]</i>	73	75	Đầy, năm

Tổng số học viên theo danh sách:.....*80*.....học viên;

Số học viên không đủ điều kiện thi:.....*06*.....học viên (lý do.....*[signature]*.....)

Số học viên đủ điều kiện thi:.....*74*.....học viên;

Số học viên vắng thi:.....*74*.....học viên; trong đó: có lý do:.....*[signature]*..... học viên; không có lý do:.....*[signature]*..... học viên;

Số bài thi hiện có:.....*74*.....bài/.....*206*.....tờ.

CÁN BỘ COI THI 01

[signature]
họ Nguyễn Hà

Ngày.....*30*.....tháng.....*6*.....năm 2024

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

[signature]
phùng eli phùng Loan

TRƯỞNG KHOA

[signature]
Đỗ An Bình

CÁN BỘ COI THI 02

[signature]
Đan Thị Thủy tiên

Ngày.....*30*.....tháng.....*6*.....năm 2024

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

[signature]
Đan Thị Mai

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH

[signature]
TS. Lê Duyên Hà



Nguyễn Thành Dũng